

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của đơn vị Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-CT ngày 16/10/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 3058/VP-KTTC ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh về việc chấn chỉnh việc thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 3006/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Căn cứ Thông báo số: 17/TB-STC ngày 08/01/2021 của Sở Tài chính về kết quả thẩm tra dự toán chi ngân sách năm 2021;

Căn cứ Thông báo số: 212/TB-STC ngày 26/8/2022 của Sở Tài chính về thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021;

Xét đề nghị của Văn phòng Tỉnh Hội Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

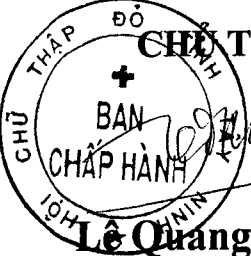
Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của văn phòng Tỉnh Hội Tây Ninh. (theo Mẫu biểu số 05 đính kèm)

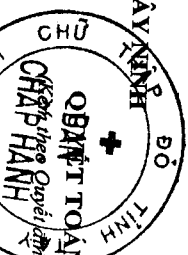
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, kế toán Tỉnh Hội Tây Ninh chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính
- Như Điều 3.
- Lưu


CHỖ TỊCH
Lê Quang Trung



QUẢN LÝ THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2021
 Quyết định số 55/QĐ-HCTĐTN ngày 11/9/2022 của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tây Ninh

Biểu số 5 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số Số liệu báo cáo quyết toán	LOẠI 070		LOẠI 340		LOẠI 390	
			TỔNG LOẠI Số liệu báo cáo quyết toán	KHOẢN 085 Số liệu quyết toán được duyệt	TỔNG LOẠI Số liệu báo cáo quyết toán	KHOẢN 362 Số liệu quyết toán được duyệt	TỔNG LOẠI Số liệu báo cáo quyết toán	KHOẢN 398 Số liệu quyết toán được duyệt
A	B	1	2	3	6	7	8	9
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	-	-	-	-	-	-	-
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	-	-	-	-	-	-	-
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	41.070.877	-	-	41.070.877	41.070.877	-	-
1.1	Kinh phí thường xuyên/tư chi (02=03+04)	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi (05=06+07)	-	-	-	-	-	-	-
	-Kinh phí đã nhận	-	-	-	-	-	-	-
	-Dự toán còn dư ở Kho bạc	41.070.877	-	-	-	-	-	-
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	2.488.400.000	300.000.000	300.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000	8.400.000	8.400.000
	-Kinh phí thường xuyên/tư chi	2.488.400.000	300.000.000	300.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000	8.400.000	8.400.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	2.529.470.877	300.000.000	300.000.000	2.221.070.877	2.221.070.877	8.400.000	8.400.000
	-Kinh phí thường xuyên/tư chi	2.529.470.877	300.000.000	300.000.000	2.221.070.877	2.221.070.877	8.400.000	8.400.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	2.488.400.000	300.000.000	300.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000	8.400.000	8.400.000
	-Kinh phí thường xuyên/tư chi	2.488.400.000	300.000.000	300.000.000	2.180.000.000	2.180.000.000	8.400.000	8.400.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	1.630.164.100	192.280.000	192.280.000	1.429.484.100	1.429.484.100	8.400.000	8.400.000
	-Kinh phí thường xuyên/tư chi	1.630.164.100	192.280.000	192.280.000	1.429.484.100	1.429.484.100	8.400.000	8.400.000
	-Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	0	0	0	0	0	0	0
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+23+24)	1.630.164.100	192.280.000	192.280.000	1.429.484.100	1.429.484.100	8.400.000	8.400.000
	-Kinh phí thường xuyên/tư chi	835.220.000	107.720.000	107.720.000	717.500.000	717.500.000	8.400.000	8.400.000
	-Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	1.630.164.100	192.280.000	192.280.000	1.429.484.100	1.429.484.100	8.400.000	8.400.000
	-Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	835.220.000	107.720.000	107.720.000	717.500.000	717.500.000	8.400.000	8.400.000
	-Đã nộp NSNN	811.398.000	93.898.000	93.898.000	717.500.000	717.500.000	-	-
	-Còn phải nộp NSNN	-	0	0	0	0	-	-
	-Dự toán bị hủy	13.822.000	0	0	0	0	-	-
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng quyết toán	74.086.777	13.822.000	13.822.000	74.086.777	74.086.777	0	0
	-Kinh phí thường xuyên/tư chi	74.086.777	-	-	74.086.777	74.086.777	0	0
	-Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	74.086.777	-	-	74.086.777	74.086.777	0	0
	-Kinh phí đã nhận	74.086.777	-	-	74.086.777	74.086.777	0	0
	-Dự toán còn dư ở Kho bạc	74.086.777	-	-	74.086.777	74.086.777	0	0

Đơn vị tính: đồng

